

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN G
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2019/DS-ST

Ngày: 15-8-2019

*“V/v Tranh chấp yêu cầu thực
hiện nghĩa vụ trả tiền”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G, TỈNH GIA LAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Đính

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Mỹ

2. Bà Nguyễn Thị Lan

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thắm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai;

Trong ngày 15 tháng 8 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 28/2019/TLST-DS ngày 28 tháng 3 năm 2019 về việc “Tranh chấp yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2019/QĐXXST-DS, ngày 26 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Ngọc T; địa chỉ: Thôn M, xã K, huyện G, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Luyện Huy P và bà Nguyễn Thị T1; địa chỉ: Thôn 4, xã Ia Krăi, huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Nguyên đơn Nguyễn Ngọc T trình bày: Ngày 31-12-2012, giữa ông Nguyễn Ngọc T với vợ chồng ông Luyện Huy P và bà Nguyễn Thị T1 đã thống nhất các khoản nợ trước đây, theo đó ông P và bà T1 viết giấy xác nhận còn nợ ông T số tiền là 143.000.000 đồng và trong năm 2013 sẽ trả hết nợ. Đến hạn trả nợ, ông T đã nhiều lần yêu cầu ông P và bà T1 trả nợ nhưng ông P và bà T1 vẫn không trả nợ như đã cam kết. Do vậy, ông T khởi kiện yêu cầu ông P và bà T1 phải trả cho ông T toàn bộ số tiền nợ gốc là 143.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày quá hạn là ngày 01-01-2014 đến nay nay theo quy định của pháp luật.

2. Bị đơn Luyện Huy P và Nguyễn Thị T1 trình bày: Trong thời gian từ năm 2008 đến năm 2012, ông P và bà T1 có bán cà non, mua nợ tiền phân và vay tiền của ông T. Đến đầu năm 2012, hai bên thống nhất lại công nợ gồm tiền gốc và tiền lãi là 700.000.000 đồng, sau đó ông P và bà T1 có bán cho ông T một thửa đất tại tổ dân phố N, thị trấn K, huyện G, tỉnh Gia Lai để trả nợ. Đến ngày 31-12-2012, hai bên thống nhất

lại công nợ, ông P và bà T1 có viết Giấy thừa nhận còn nợ ông T số tiền 143.000.000 đồng và hẹn sẽ trả nợ trong năm 2013. Khi viết giấy nhận nợ hai bên không thỏa thuận về lãi suất vì không phải là hợp đồng vay tài sản.

Ông P và bà T1 chỉ đồng ý trả cho ông T số tiền nợ gốc là 143.000.000 đồng và không chấp nhận yêu cầu của ông T về tiền lãi, đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, do kinh tế gia đình gặp khó khăn nên ông P và bà T1 đề nghị ông T cho ông P và bà T1 trả dần tiền nợ gốc mỗi năm 40.000.000 đồng đến khi thanh toán hết nợ.

3. Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và bị đơn đã giao nộp các tài liệu, chứng cứ: 01 bản sao Chứng minh nhân dân, Hộ khẩu Nguyễn Ngọc T; 01 Giấy viết tay đề ngày 31-12-2012; 01 Bản tự khai Nguyễn Ngọc T; 01 Đơn trình bày ý kiến ngày 23-5-2019 của ông Luyện Huy P và bà Nguyễn Thị T1. Tòa án không tiến hành thu thập chứng cứ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn phù hợp với quy định của pháp luật, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại các Điều 26, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được xem xét giải quyết. Các bên xác nhận nợ là ngày 31-12-2012 và thời hạn trả nợ là cuối năm 2013, không phải là hợp đồng vay tài sản nên được xác định là tranh chấp yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền và pháp luật áp dụng là Bộ luật Dân sự năm 2005; Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án thụ lý và xác định là “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản”, nay Hội đồng xét xử xác định lại cho đúng bản chất vụ việc là “Tranh chấp yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền”; Trong quá trình giải quyết vụ án những người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật;

[2] Về số tiền nợ: Chứng cứ mà ông Nguyễn Ngọc T cung cấp là 01 Giấy viết tay đề ngày 31-12-2012 và lời khai của các bên đương sự đều công nhận, ngày 31-12-2012, giữa ông Nguyễn Ngọc T với vợ chồng ông Luyện Huy P và bà Nguyễn Thị T1 đã thống nhất các khoản nợ trước đây, theo đó ông P và bà T1 còn nợ ông T số tiền là 143.000.000 đồng và thời hạn trả nợ là trong năm 2013, không thỏa thuận về tiền lãi. Đến thời hạn trả nợ thì ông P và bà T1 đã không thực hiện nghĩa vụ tiền, các bên đương sự cũng đều không yêu cầu áp dụng thời hiệu. Từ những phân tích trên, căn cứ vào quy định tại Điều 285 của Bộ luật Dân sự năm 2005, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T về việc buộc ông P và bà T1 phải trả cho ông T toàn bộ số tiền nợ gốc là 143.000.000 đồng (Một trăm bốn mươi ba triệu đồng).

[3] Về tiền lãi: Ông T với ông P và bà T1 đều đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định tại khoản 2 Điều 305 của Bộ luật Dân sự năm 2005 xác định trách nhiệm dân sự do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền của ông P và bà T1 như sau: Tiền lãi được tính từ ngày 01-01-2014 đến ngày 15-8-2019 là 05 năm 08 tháng 15 ngày = $143.000.000 \times 9\%/\text{năm} \times 05 \text{ năm} + 143.000.000 \text{ đồng} \times$

$0,75\%/tháng \times 08 \text{ tháng} + 143.000.000 \times 0,025\%/ngày \times 15 \text{ ngày} = 73.466.250 \text{ đồng.}$

[4] Về số tiền phải trả: Tổng cộng số tiền gốc và tiền lãi ông P và bà T1 phải trả cho ông T là 216.466.250 đồng, trong đó tiền nợ gốc là 143.000.000 đồng, tiền nợ lãi là 73.466.250 đồng.

[5] Về án phí: Toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, bị đơn là người có nghĩa vụ trả nợ nên phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Điều 144, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Áp dụng Điều 285, Điều 305 của Bộ luật Dân sự năm 2005;
- Áp dụng Điều 26 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Ngọc Tuyền.

Buộc ông Luyện Huy P và bà Nguyễn Thị T1 phải trả cho ông Nguyễn Ngọc T toàn bộ số tiền nợ là 216.466.250 đồng (Hai trăm mười sáu triệu bốn trăm sáu mươi sáu nghìn hai trăm năm mươi đồng), trong đó tiền nợ gốc là 143.000.000 đồng (Một trăm bốn mươi ba triệu đồng), tiền nợ lãi là 73.466.250 đồng (Bảy mươi ba triệu bốn trăm sáu mươi sáu nghìn hai trăm năm mươi đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Buộc ông Luyện Huy P và bà Nguyễn Thị T1 phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 10.823.313 đồng (Mười triệu tám trăm hai mươi ba nghìn ba trăm mười ba đồng); Ông Nguyễn Ngọc T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho ông Nguyễn Ngọc T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 8.349.750 đồng (Tám triệu ba trăm bốn mươi chín nghìn bảy trăm năm mươi đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005561 ngày 25 tháng 3 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Gia Lai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo Bản án để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện G;
- Lưu HSVA, THADS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(ĐÃ KÝ)**

Lê Văn Đính